

**TRỤ SỞ CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 28

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Trụ sở chính của Công ty (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên
Ông Trương Minh Long	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trụ sở chính có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Trụ sở chính sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Trụ sở chính và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính tiếp theo của Trụ sở chính.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

Số: 16.132/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trụ sở chính Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		201.459.610.203	195.049.738.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	116.328.621.684	127.522.830.052
1. Tiền	111		49.593.621.684	23.114.830.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		66.735.000.000	104.408.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.130.988.519	67.526.908.779
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	65.517.298.424	46.800.745.506
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	14.804.568.360	17.903.018.337
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	4.936.911.741	3.578.330.542
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.027.790.006)	(1.655.185.606)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.137.880.923	69.529.384.430
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.225.587.377	25.613.596.430
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(5.4)	7.973.352.207	7.973.352.207
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		10.112.472.143	10.112.472.143
3. Phải thu dài hạn khác	216	(5.5)	8.139.763.027	7.527.772.080
II. Tài sản cố định	220		6.400.222.744	6.095.158.078
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	6.400.222.744	6.095.158.078
+ Nguyên giá	222		25.651.711.066	23.372.000.158
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.251.488.322)	(17.276.842.080)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	38.512.070.802	37.733.010.802
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.259.170.802	36.480.110.802
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260			87.619.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			87.619.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		272.597.491.126	264.579.123.261

(Phần tiếp theo ở trang 6)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		113.690.060.370	111.358.832.920
I. Nợ ngắn hạn	310		46.743.193.370	42.320.689.920
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.7)	10.768.749.952	9.929.769.453
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.8)	12.596.797.260	14.119.302.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.9)	9.677.848.857	9.340.574.471
4. Phải trả người lao động	314	(5.10)	8.186.838.108	5.150.405.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.11)	1.425.691.527	1.343.334.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.12)	668.826.239	798.962.204
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.13)	3.418.441.427	1.638.341.427
II. Nợ dài hạn	330		66.946.867.000	69.038.143.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.14)	34.000.000.000	36.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.12)	32.946.867.000	33.038.143.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.907.430.756	153.220.290.341
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15.1)	158.907.430.756	153.220.290.341
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.000.000.000	6.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.957.430.756	52.270.290.341
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		32.620.590.528	52.270.290.341
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.336.840.228	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		272.597.491.126	264.579.123.261

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM

NGUYỄN NAM TIẾN



TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		342.902.021.736	298.067.143.052
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	342.902.021.736	298.067.143.052
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	316.961.584.843	275.163.126.250
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.940.436.893	22.904.016.802
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	24.019.016.952	43.256.953.435
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	5.320.232.595	4.511.334.531
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	11.654.926.688	11.392.250.304
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.984.294.562	50.257.385.402
11. Thu nhập khác	31		37.727.272	33.181.818
12. Chi phí khác	32		60.000.000	12.639.729
13. Lợi nhuận khác	40		(22.272.728)	20.542.089
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.962.021.834	50.277.927.491
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	7.565.632.369	11.709.044.929
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.396.389.465	38.568.882.562

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM

NGUYỄN NAM TIẾN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.962.021.834	50.277.927.491
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.974.646.242	2.229.254.111
Các khoản dự phòng	03		(68.214.331)	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.478.977.737)	(640.816.307)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.368.721.949)	(38.546.487.361)
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.020.754.059	13.319.877.934
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.364.254.782)	(25.449.403.990)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.731.260.354	79.006.485.924
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		87.619.120	214.119.127
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.661.996.365)	(4.507.051.149)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			94.367.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.589.900.000)	(4.558.594.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.776.517.614)	58.119.800.210
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.279.710.908)	(91.360.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	(900.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		30.000.000.000	
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.220.940.000	43.560.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.312.921.949	9.152.609.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.254.151.041	51.721.249.361
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.353.878.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.353.878.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.876.244.573)	91.841.049.571
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		127.522.830.052	35.428.100.368
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		682.036.205	253.680.113
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		116.328.621.684	127.522.830.052

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH THANH



NGUYỄN ANH NAM




NGUYỄN NAM TIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 09 năm 2015.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính") được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 227 (31/12/2014: 233 thành viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Trụ sở chính bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%	100%
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13 đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, P. Duyên Hải, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	30%	30%	30%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50%	51%	51%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50%	30%	30%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	145-147 Nguyễn Tất Thành, phường 13, Quận 4, TP Hồ Chí Minh	33,33%	45%	45%
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	145-147 Nguyễn Tất Thành, phường 13, Quận 4, TP Hồ Chí Minh	40%	40%	40%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Trụ sở chính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Trụ sở chính áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Trụ sở chính tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 22.000 VND/USD.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.21.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất, phí thuê văn phòng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

4.8. Tài sản cố định hữu hình***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.9. Đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.12. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.18. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Trụ sở chính đang áp dụng là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế 0%
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.21. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Đầu tư ngắn hạn	-	900.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	900.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.903.018.337	25.876.370.544
Phải thu ngắn hạn khác	3.578.330.542	7.881.083.436
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.093.603.186
Trả trước cho người bán dài hạn	7.973.352.207	-
Phải thu dài hạn khác	7.527.772.080	-
Tài sản dài hạn khác	-	131.416.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.119.302.485	50.119.302.485
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	36.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	798.962.204	33.623.962.204
Phải trả dài hạn khác	33.038.143.000	213.143.000

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Cho vay	Trình bày là phải thu về cho vay ngắn hạn	Trình bày là đầu tư ngắn hạn
Tạm ứng, kí quỹ kí cược ngắn hạn	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ kí cược dài hạn	Trình bày là phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác

(Phần tiếp theo ở trang 18)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	5.084.910.810	2.103.763.471
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.508.710.874	21.011.066.581
Các khoản tương đương tiền	66.735.000.000	104.408.000.000
Cộng	<u>116.328.621.684</u>	<u>127.522.830.052</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND và USD tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	526.750	-	526.750	526.750	-	526.750
Cộng	<u>526.750</u>	<u>-</u>	<u>526.750</u>	<u>526.750</u>	<u>-</u>	<u>526.750</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000	-	4.392.000	4.392.000	-	4.392.000
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	18.220.589	-	18.220.589	18.220.589	-	18.220.589
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430	-	4.908.430	4.908.430	-	4.908.430
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	3.680.052	-	3.680.052	3.680.052	-	3.680.052
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800	-	1.927.800	3.148.740	-	3.148.740
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	2.130.300	-	2.130.300	2.130.300	-	2.130.300
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000	-	2.000.000	-	-	-
Cộng	<u>37.259.171</u>	<u>-</u>	<u>37.259.171</u>	<u>36.480.111</u>	<u>-</u>	<u>36.480.111</u>

Đầu tư vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans.

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Công nợ các đại lý nước ngoài	35.829.210.193	20.453.316.698
Công nợ Khối Đường biển	2.782.054.201	3.955.684.764
Công nợ Khối Hàng không	4.796.161.506	16.904.999.797
Công nợ Khối Logistics	6.511.420.105	4.820.493.166
Công nợ Khối Sale & Marketing	11.221.908.533	-
Các khoản khác	4.376.543.886	666.251.081
Cộng	<u>65.517.298.424</u>	<u>46.800.745.506</u>

5.4. Trả trước cho người bán

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Trụ sở chính ứng trước cho chi nhánh Hà Nội	13.993.878.497	16.049.798.455
Các khách hàng khác	810.689.863	1.853.219.882
Cộng	<u>14.804.568.360</u>	<u>17.903.018.337</u>
Trả trước người bán dài hạn	7.973.352.207	7.973.352.207
Cộng	<u>7.973.352.207</u>	<u>7.973.352.207</u>

Khoản trả trước cho người bán dài hạn bao gồm các khoản:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.5. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	2.255.103.441	-	3.093.603.186	-
Phải thu khác	2.681.808.300	-	484.727.356	-
Cộng	4.936.911.741	-	3.578.330.542	-
Dài hạn:				
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.558.347.027	-	7.396.356.080	-
Phải thu khác	581.416.000	-	131.416.000	-
Cộng	8.139.763.027	-	7.527.772.080	-

Khoản phải thu dài hạn khác là khoản tạm ứng mua đất ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do một số thành viên quản lý chủ chốt thay mặt công ty đứng tên pháp lý - Xem thêm mục 7.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.543.492.521	12.974.908.949	800.624.882	23.372.000.158
Mua trong năm	-	-	2.279.710.908	-	2.279.710.908
Số dư cuối năm	8.052.973.806	1.543.492.521	15.254.619.857	800.624.882	25.651.711.066
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.920.408.914	980.069.027	8.737.727.230	638.636.909	17.276.842.080
Khấu hao trong năm	364.961.510	162.194.817	1.369.997.741	77.492.174	1.974.646.242
Số dư cuối năm	7.285.370.424	1.142.263.844	10.107.724.971	716.129.083	19.251.488.322
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.132.564.892	563.423.494	4.237.181.719	161.987.973	6.095.158.078
Tại ngày cuối năm	767.603.382	401.228.677	5.146.894.886	84.495.799	6.400.222.744

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.094.210.400 đồng.

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Phải trả người bán

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
Phải trả cho chi nhánh Hải Phòng	1.726.262.085	1.726.262.085	2.111.713.127	2.111.713.127
Phải trả cho các đối tượng khác	9.042.487.867	9.042.487.867	7.818.056.326	7.818.056.326
<i>Khối hàng không</i>	3.451.081.563	3.451.081.563	4.184.472.554	4.184.472.554
<i>Khối logistic</i>	3.597.416.944	3.597.416.944	1.595.789.073	1.595.789.073
<i>Khối đường biển</i>	352.950.818	352.950.818	972.900.640	972.900.640
<i>Khác</i>	1.641.038.542	1.641.038.542	1.064.894.059	1.064.894.059
Cộng	10.768.749.952	10.768.749.952	9.929.769.453	9.929.769.453

5.8. Người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công nợ đại lý nước ngoài	10.434.333.702	13.124.950.615
Các đối tượng khác	2.162.463.558	994.351.870
Cộng	12.596.797.260	14.119.302.485

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	233.911.660	5.387.100.907	1.976.810.510	3.644.202.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.867.304.728	9.217.605.174	13.661.996.365	4.422.913.537
Thuế thu nhập cá nhân	37.596.182	1.051.032.915	996.797.643	91.831.454
Tiền thuê đất và thuế đất	47.446.452	5.477.762.952	5.525.209.404	-
Các loại thuế khác	154.315.449	3.312.304.151	1.947.717.791	1.518.901.809
Cộng	9.340.574.471	24.445.806.099	24.108.531.713	9.677.848.857

5.10. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

5.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là các khoản trích trước chi phí hoa hồng.

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12. Phải trả khác

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	-	353.878.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	668.826.239	445.084.204
Cộng	668.826.239	798.962.204
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Phải trả khác	146.867.000	238.143.000
Cộng	32.946.867.000	33.038.143.000

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội đã trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 9.

5.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.638.341.427	2.026.945.703
Trích lập trong năm	3.370.000.000	4.067.000.000
Sử dụng trong năm	(1.589.900.000)	(4.455.604.276)
Số dư cuối năm	3.418.441.427	1.638.341.427

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 9.

(Phần tiếp theo ở trang 23)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.15. Vốn chủ sở hữu**5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND
Số dư đầu năm trước	132.115.872.764
Lợi nhuận trong năm trước	38.568.882.562
Lợi nhuận từ các chi nhánh	4.602.535.015
Chia cổ tức	(18.000.000.000)
Trích lập quỹ	(5.067.000.000)
Số dư đầu năm nay	153.220.290.341
Lợi nhuận trong năm	25.396.389.465
Lợi nhuận từ các chi nhánh	5.240.450.763
Chia cổ tức	(18.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Hội Đồng Quản Trị	(3.370.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)
Giảm khác	(3.579.699.813)
Số dư cuối năm	158.907.430.756

(Phần tiếp theo ở trang 24)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.15.2. Cổ phiếu

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.515.636,01	704.666,98

(Phần tiếp theo ở trang 25)

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu dịch vụ hàng không	157.745.347.425	141.012.987.685
Doanh thu dịch vụ đường biển	85.573.746.150	91.750.825.563
Doanh thu dịch vụ logistics	99.582.928.161	65.303.329.804
Cộng	<u>342.902.021.736</u>	<u>298.067.143.052</u>
Doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 7:		
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	521.282.679	709.078.134
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	655.865.767	652.632.050
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Koneike Vina (Japan)	370.199.112	212.494.429
Công ty TNHH Điều khiển vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	65.402.945	34.611.522
Công ty Logistics Vinalink (Cambodia)	3.423.872.667	793.362.534
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	-	269.930.266
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	-	4.010.363
Cộng	<u>5.036.623.170</u>	<u>2.676.119.298</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá vốn dịch vụ hàng không	150.311.867.257	134.304.848.298
Giá vốn dịch vụ đường biển	76.067.343.849	83.267.513.216
Giá vốn dịch vụ logistics	90.582.373.737	57.590.764.736
Cộng	<u>316.961.584.843</u>	<u>275.163.126.250</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.345.200.000	8.116.374.293
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.171.317.266	4.069.649.767
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.478.977.737	640.816.307
Lãi tiền gửi	4.537.498.605	70.113.068
Lãi từ chuyển nhượng vốn	486.023.344	30.360.000.000
Cộng	<u>24.019.016.952</u>	<u>43.256.953.435</u>

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.046.398.551	5.751.540.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.839.700.672	3.621.103.481
<i>Tiền điện</i>	1.420.503.200	1.257.762.034
<i>Cước điện thoại</i>	307.783.427	285.681.263
<i>Công tác phí</i>	435.276.795	553.706.497
<i>Khác</i>	1.676.137.250	1.523.953.687
Các khoản chi phí QLDN khác	1.768.827.465	2.019.606.412
Cộng	11.654.926.688	11.392.250.304

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.565.632.369	11.709.044.929
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.565.632.369	11.709.044.929

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của trụ sở chính	32.962.021.834	50.277.927.491
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế của các chi nhánh	5.388.046.577	5.240.450.763
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 của Công ty con tại Campuchia	-	202.484.420
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	8.815.701.225	8.591.428.323
- <i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	8.815.701.225	8.578.788.594
- <i>Điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế</i>	-	12.639.729
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.345.200.000)	(8.116.374.293)
Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác	(1.431.331.597)	(612.597.490)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 22%	-	(30.916.201.172)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	34.389.238.039	24.667.118.042
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.565.632.369	4.933.423.608
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	-	6.801.564.258
Chi phí thuế TNDN trong năm	7.565.632.369	11.734.987.866
Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN của năm trước	-	18.603.635
Điều chỉnh giảm chi phí thuế đã nộp ở Campuchia	-	(44.546.572)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	7.565.632.369	11.709.044.929

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	33.562.474.973	27.905.934.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.974.646.242	2.229.254.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.323.163.784	170.814.185.770
Chi phí khác bằng tiền	100.756.226.532	85.606.002.304
Cộng	328.616.511.531	286.555.376.554

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
8. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
9. Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	Phó Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT Công ty này
10. Công ty Cổ phần Vinafreight	Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
11. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	Phó chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
12. Công ty TNHH Sojitz Logistics Việt Nam	Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
13. Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Con Đường Việt	Thành viên HĐQT là thành viên HĐQT Công ty này
14. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác dài hạn – Xem thêm mục 5.5		
Một số thành viên quản lý chủ chốt	7.558.347.027	7.396.356.080

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ - xem thêm mục 6.1	5.036.623.170	2.676.119.298
Sử dụng dịch vụ	4.064.528.165	4.282.336.061
Cho vay	30.000.000.000	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	687.000.000	331.500.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.949.844.808	1.870.455.358
Cộng	2.636.844.808	2.201.955.358

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào 22 tháng 03 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THỊ THANH THANH


NGUYỄN ANH NAM


NGUYỄN NAM TIẾN


CÔNG TY
CỔ PHẦN
LOGISTICS
VINALINK
QUẬN 4 - T. PHỐ HỒ CHÍ MINH
M.S.D.N: 03017